TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẠ HÒA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 06/2023/DS - ST
Ngày 02/11/2023
V/v: Tranh chấp chia di sản thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hưng Thủy.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Quốc Trinh
2. Ông Lê Thiết Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Tứ - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2023 và ngày 02 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2022/TLST - DS ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc "Tranh chấp chia di sản thừa kế". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1948 (Có mặt);

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1959 (Có mặt);

Đều có địa chỉ: Khu 4 xã H, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1955 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà X, ngõ Y phường T, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1962 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn 7c xã E, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắc Lắc.

3. Bà Nguyễn Thị Lệ H2, sinh năm 1969 (Có mặt);

Địa chỉ: Khu 9 xã H, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Đ và bà C là bà Nguyễn Thị Lệ H2, sinh năm 1969 - Địa chỉ: Khu 9 xã H, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

4. Ông Nguyễn Biên Th, sinh năm 1945 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khu 5 xã P, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

5. Chị Nguyễn Thị Thu H3, sinh năm 1977 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khu 5 xã P, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

6. Chị Nguyễn Thị Hồng H4, sinh năm 1979 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khu Đ Nam, thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

7. Anh Nguyễn Quang Th2, sinh năm 1982 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khu Đồng Giao thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

(Ông Th là chồng của bà Nguyễn Thị B, chị H3, chị H4 và anh Th2 đều là con của bà Nguyễn Thị B - Bà Nguyễn Thị B chết ngày 23/02/2023).

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Th, chị H3 và chị H4 là anh Nguyễn Quang Th2, sinh năm 1982 - Địa chỉ: Khu Đồng Giao, thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ (Có đơn xin được vắng mặt).

8. Bà Bùi Thị X, sinh năm 1958 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 2, xã T, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

9. Bà Bùi Thị H5, sinh năm 1960 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khu 4, xã H, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

10. Ông Bùi Kim T2, sinh năm 1962 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 2, xã Tân An, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

11. Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1966 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khu 4, xã H, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

12. Bà Bùi Thị L2, sinh năm 1970 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khu 6, xã H, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

13. Bà Bùi Thị Th3, sinh năm 1974 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

14. Bà Bùi Thị Th3, sinh năm 1976 (Có mặt);

Địa chỉ: Khu 7, xã H, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

15. Ông Bùi Ngọc B2, sinh năm 1981(Vắng mặt);

Địa chỉ: Khu 4, xã H, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

(Bà X, bà H5, ông T2, bà Đ, bà L2, bà Th3, bà Th3 và ông B2 Đều là con của ông Bùi Văn P đã chết năm 1990 và bà Nguyễn Thị Đ đã chết năm 2021).

Người đại diện theo ủy quyền cho bà X, bà H5, ông T2, bà Đ, bà L2, bà Th3 và ông B2 là bà Bùi Thị Th3, sinh năm 1976 - Địa chỉ: Khu 7 xã H, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

16. Bà Trần Thị H5, sinh năm 1959 (Vợ ông T);

Địa chỉ: Khu 4, xã H, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ (Xin được vắng mặt).

Người làm chứng:
Ông Lê Ngọc L, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 4 xã H, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bố tôi là cụ Nguyễn Văn T, sinh năm 1912 chết năm 1995, mẹ là cụ Trần Thị Ng, sinh năm 1921 chết năm 2010.

Bố mẹ tôi sinh được 06 anh chị em gồm: Nguyễn Thị M, sinh năm 1948, Nguyễn Thị B, sinh năm 1951 (chết ngày 23/02/2023), Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1955, Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1959, Nguyễn Thị C, sinh năm 1962 và Nguyễn Thị Lệ H2, sinh năm 1969 và 01 người con riêng là bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1939 (đã chết năm 2021).

Trước khi bố mẹ tôi chết đã để lại cho anh chị em chúng tôi khối tài sản chung là 1.900m^2 đất trong đó có 300m^2 đất ở và 1600m^2 đất vườn tại thửa đất số 101 tờ bản đồ số 5 - địa chỉ khu 5, xã Động L2 cũ nay là khu 4 xã H, huyện Hạ Hòa đã được UBND huyện Hạ Hòa cấp GCNQSDĐ ngày 13/3/2001 đứng tên bà Trần Thị Ng. Trước khi chết bố mẹ tôi không để lại di chúc. Sau khi bố mẹ chúng tôi chết chị em chúng tôi có họp bàn phân chia tài sản thừa kế của bố mẹ để lại, tuy nhiên trong số chị em chúng tôi có ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị B không nhất trí chia, do không được sự nhất trí như vậy nên Tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa chia tài sản thừa kế là diện tích đất trên cho 7 chị em chúng tôi theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào kết quả thẩm định và đo đạc tại thực địa diện tích đất của cụ Ng chỉ có 1.821,2m^2 so với giấy chứng nhận QSDĐ thiếu 78,8m^2 diện tích đất thiếu này là do có sự sai số nên tôi không có ý kiến gì, trong diện tích đất trên hiện nay ông T đang sử dụng 342,1m^2 (đã xây nhà và các công trình trên đất) chúng tôi đã thống nhất để cho ông T sử dụng, nhưng là đất vườn, không đề nghị chia, diện tích đất còn lại là 1.479,1m^2 trong đó có có 300m^2 đất ở và 1.179,1m^2 đất vườn chúng đã thống nhất về vị trí, mốc giới do đó tôi đề nghị chia làm bẩy phần bằng nhau. Đối với kết quả thẩm định và định giá tài sản tôi nhất trí, không có ý kiến gì, tôi không nhất trí trả khoản tiền san ủi cho ông T vì ông T tự ý làm không có sự bàn bạc gì với chúng tôi còn các cây cối trên đất chỉ là cây thời vụ, tại buổi thẩm định bản thân ông T và bài H5 (vợ ông T) và chúng tôi không yêu cầu phải thẩm định và định giá hơn nữa các cây cối này trồng trên đất của bố mẹ do đó tôi cũng không chấp nhận bồi thường, đồng thời tôi yêu cầu ông T phải thu hoạch các cây cối hoa màu trên đất để trả lại đất cho chúng tôi.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết, hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Về quan hệ gia đình bố, mẹ và các anh chị em như bà M trình bày là hoàn toàn đúng, trước khi bố mẹ tôi chết có để lại một diện tích đất là 1.900m^2 và giao lại cho tôi quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất trên (Di chúc bằng miệng) tất cả anh chị em đều chứng kiến, không có di chúc bằng văn bản, tài sản không được sử dụng vào việc mua bán, chuyển đổi, cầm cố, vay mượn và thế chấp mà để lại làm nơi thờ cúng cho các thế hệ sau này. Căn cứ vào kết quả thẩm định và đo đạc tại

thực địa diện tích đất của cụ Ng chỉ có 1.821,2m^2 so với giấy chứng nhận QSDĐ thiếu 78,8m^2 diện tích đất thiếu này tôi xác định là do có sự sai số nên tôi cũng không có ý kiến gì, trong diện tích đất trên tôi đang sử dụng 342,1m^2 chúng tôi đã thống nhất để cho tôi sử dụng, không đề nghị chia, diện tích đất còn lại là 1.479,1m^2 có 300m^2 đất ở và 1.179,1m^2 đất vườn chúng tôi đã thống nhất về vị trí và mốc giới. Nay bà M khởi kiện đòi chia diện tích đất trên cho các anh chị em trong gia đình tôi đồng ý chia, nhưng phải chia làm 8 phần trong đó một phần là nơi thờ cúng tổ tiên còn lại chia làm 7 phần bằng nhau. Riêng phần đất mà gia đình ông Nguyễn Biên Th (chồng bà B), chị Nguyễn Thị Thu H3, Nguyễn Thị Hồng H4 và anh Nguyễn Quang Th2 (Con bà B) do anh Th2 đại diện tự nguyện tặng cho tôi, tôi xin nhận và tôi cũng không đòi hỏi gia đình ông Th, chị H3, chị H4 và anh Th2 phải thanh toán bất kỳ khoản tiền nào khác mà tôi tự chịu trách nhiệm toàn bộ mọi nghĩa vụ. Ngoài ra tôi đề nghị những người nhận thừa kế phải trả lại cho tôi tiền san ủi, chở đất đi là 100.000.000đ và tiền hoa màu trên đất, trừ đi phần của tôi được hưởng và phần của gia đình ông Th được hưởng đi còn lại những người được hưởng phải thanh toán cho tôi.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị C và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Lệ H2 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền cho bà Đ và bà C trình bày:

Tôi xác định lời trình bày của bà Nguyễn Thị M (nguyên đơn) là hoàn toàn đúng, không bổ sung thêm gì. Tôi nhất trí với kết quả thẩm định, đo đạc và kết quả định giá tài sản về diện đất là 1.821,2m^2, chúng tôi nhất trí cho ông T được quyền sử dụng 342,1m^2 đất vườn, diện tích còn lại là 1.479,1m^2 trong đó có 300m^2 đất ở và 1.179,1m^2 đất vườn, bản thân tôi và là người đại diện theo ủy quyền cho bà Đ, bà C cũng đề nghị TAND huyện Hạ Hòa giải quyết phân chia làm bẩy phần bằng nhau theo quy định của pháp luật, chúng tôi cũng không nhất trí trả tiền san ủi cho ông T vì ông T tự ý san ủi, chưa thông qua chúng tôi, nên ông T phải tự chịu trách nhiệm, việc ông T trồng các cây cối hoa màu trên đất là trồng trên đất của bố mẹ, khi thẩm định và định giá tài sản bản thân ông T và bài H5 (vợ ông T) không có yêu cầu gì, nên chúng tôi không chấp nhận bồi thường bất cứ khoản tiền gì trên đất, chúng tôi yêu cầu ông T phải thu hoạch các cây cối hoa màu trên đất để trả lại đất cho chúng tôi.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Bùi Thị Th3 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền cho bà Bùi Thị X, bà Bùi Thị H5, ông Bùi Kim T2, bà Bùi Thị Đ, bà Bùi Thị L2, bà Bùi Thị Th3 và ông Bùi Ngọc B2 trình bày:

Bố tôi là ông Bùi Văn P chết năm 1990 và mẹ là Nguyễn Thị Đ chết năm 2021, mẹ tôi là con riêng của cụ Nguyễn Văn T chồng cụ Trần Thị Ng, bố mẹ tôi sinh được 8 anh chị em gồm bà Bùi Thị X, bà Bùi Thị H5, ông Bùi Kim T2, bà Bùi Thị Đ, bà Bùi Thị L2, bà Bùi Thị Th3, bà Bùi Thị Th3 và ông Bùi Ngọc B2. Trước khi ông bà ngoại tôi chết có để lại một diện tích đất như lời trình bày của bà Nguyễn Thị M (nguyên đơn) là hoàn toàn đúng. Tôi với tư cách là người có quyền

lợi và nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền cho các anh chị em cũng nhất trí với kết quả thẩm định, đo đạc và kết quả định giá tài sản. Về diện đất là 1.821,2m^2, chúng tôi cũng nhất trí cho ông T sử dụng 342,1m^2 đất vườn, diện tích còn lại là 1.479,1m^2 trong đó có 300m^2 đất ở và 1.179,1m^2 đất vườn, nay tôi cũng đề nghị TAND huyện Hạ Hòa giải quyết phân chia làm bẩy phần bằng nhau theo quy định của pháp luật, tôi cũng không nhất trí trả tiền san ủi cho ông T do ông T tự ý san ủi, chưa thông qua chúng tôi và không nhất trí bồi thường tiền hoa mau trồng trên đất vì chỉ là các cây cối hoa màu, thời vụ hơn nữa ông T trồng trên đất của cụ Ng, tại buổi làm việc thẩm định ông T và bài H5 cũng không có yêu cầu gì.

Tại bản tự khai thời điểm bà Nguyễn Thị B còn sống trình bày:

Bà xác định về quan hệ gia đình bố, mẹ và các anh chị em như bà M trình bày là hoàn toàn đúng, trước khi bố mẹ chết có để lại một diện tích đất là 1.900m^2. Trước khi bố mẹ bà chết có nói là để lại toàn bộ diện tích đất này cho em trai là Nguyễn Ngọc T quản lý, sử dụng làm nơi thờ cúng tổ tiên. Nay bà M khởi kiện đề nghị chia diện tích đất trên cho các anh chị em tôi không đồng ý chia mà để nguyên lại cho ông T làm nơi thờ cúng, nếu tình huống bắt buộc phải chia diện tích đất trên cho các anh chị em bà thì phần của bà được chia bà nhận và sẽ bàn giao lại cho ông Nguyễn Ngọc T sử dụng.

Anh Nguyễn Quang Th3 con của bà Nguyễn Thị B (đã chết) - Đại diện theo ủy quyền cho ông Nguyễn Biên Th, chị Nguyễn Thị Thu H3 và chị Nguyễn Thị Hồng H4 trình bày:

Anh là con của bà Nguyễn Thị B, mẹ anh là con gái của cụ Nguyễn Văn T và cụ Trần Thị Ng (Ông bà ngoại anh đều đã chết) trước khi ông bà anh chết có để lại một mảnh đất 1.900m^2 đất trong đó có 300m^2 đất ở và 1.600m^2 đất vườn đã được nhà nước cấp giấy CNQSDĐ ngày 13/3/2001 đứng tên cụ Trần Thị Ng - Địa chỉ Khu 5 xã Động L2, nay là khu 4 xã H, huyện Hạ Hòa, theo lời mẹ anh kể trước khi cụ T, cụ Ng chết có di chúc lại bằng lời nói trước toàn thể các con trong nhà là giao mảnh đất này cho con út là ông Nguyễn Ngọc T để làm nơi thờ cúng tổ tiên. Từ ngày đó đến nay ông T vẫn là người trông giữ mảnh đất này. Tuy nhiên thời gian gần đây các con của cụ T, cụ Ng đã yêu cầu chia mảnh đất trên cho mỗi người một phần Đều nhau, nhưng mẹ anh không đồng ý chia mà để nguyên theo lời di chúc và tâm nguyện của bố mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án mẹ anh bị bệnh trọng và đã chết ngày 23/02/2023. Theo quy định các thành viên trong gia đình anh là những người có quyền thừa kế phần tài sản của mẹ anh để lại bao gồm cả phần đất của ông bà ngoại là cụ T, cụ Ng để lại, toàn thể các thành viên trong gia đình anh thống nhất ủy quyền cho anh đại diện đứng ra làm việc, giải quyết và thừa kế theo quy định tại Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa. Anh đề nghị Tòa án xem xét mọi hình thức để có thể theo tâm nguyện của cụ T, cụ Ng không chia mà để lại toàn bộ diện tích đất cho ông T để làm nơi thờ cúng tổ tiên. Trường hợp không thể thực hiện được, thì phần mẹ anh được hưởng, anh đại diện cho các thành viên gia đình anh nhận và tặng cho ông Nguyễn Ngọc T toàn bộ mà không đòi hỏi bất cứ điều kiện gì từ người được nhận và đề nghị tòa án sát nhập phần di sản gia đình anh được chia vào phần của ông T. Do công việc, khoảng cách quãng đường xa, do vậy anh

xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và xin được vắng mặt tại các phiên Tòa đến khi hoàn thành.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Trần Thị H5 (Vợ ông T) trình bày:

Bà là vợ ông Nguyễn Ngọc T bà về làm dâu gia đình ông T từ năm 1979, khi về làm dâu vợ chồng bà ở chỗ khác, đến năm 1990 vợ chồng bà về ở trên khu vực đất đang tranh chấp này, diện tích đất gia đình bà đang ở có nguồn gốc là của bà Nguyễn Thị M chị gái ông T, tiếp giáp với phần đất của cụ Trần Thị Ng, hiện nay bà Nguyễn Thị M cùng các anh chị em xảy ra việc tranh chấp chia di sản thừa kế là đất của bố mẹ là cụ Trần Thị Ng để lại, việc này là do ông T đứng ra toàn quyền giải quyết bà không có ý kiến gì, mọi ý kiến quyết định của ông T là ý kiến của bà, bà xác định tài sản của cụ Ng để lại là diện tích đất, diện tích đất này là tài sản chung của anh chị em nhà chồng bà, do đó việc này do ông T cùng các các anh chị em tự giải quyết với nhau bà không liên quan gì. Trên đất đang có tranh chấp có các cây cối thời vụ như mía, sắn, dứa và một số loại rau khác mặc dù là của vợ chồng bà, nhưng không có giá trị hơn nữa vợ chồng bà trồng trên diện tích đất của cụ Ng, nên bà cũng không yêu cầu phải thẩm định và định giá. Nay bản thân bà không liên quan đến diện tích đất của cụ Ng mà bà M và ông T (chồng bà) cùng các anh chị em đang tranh chấp vì vậy bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và xin được vắng mặt tại các phiên tòa xét xử các cấp cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Lê Ngọc L trình bày:

Ông và ông Nguyễn Ngọc T là có mối quan hệ hàng xóm với nhau, không có anh em gì, vào cuối năm 2016 đầu năm 2017 ông có nhận san ủi và chở đất thuê cho ông T trên diện tích đất của cụ Trần Thị Ng (mẹ đẻ ông T) lúc đó giữa ông với ông T chỉ hợp đồng và nói với nhau bằng miệng, không có văn bản giấy tờ gì, ông nhận theo khu đất không đo đếm gì, nên không biết khối lượng là bao nhiêu m^3, trước khi ông tiến hành san ủi, chở đất đi, ông T có cho ông xem giấy tờ của xã cho phép đánh đất, nên ông tiến hành khai thác. Thời điểm san ủi đất cho ông T chỉ có một mình ông làm cho ông T ngoài ra không có ai khác, ông đánh đất cho ông T làm nhiều lần và đổ đi nhiều nơi khác nhau, ông nhận với ông T tổng số tiền san ủi và chở đất đi là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) ông T thanh toán cho ông làm nhiều lần, khi tiến hành làm được khối lượng lớn thì ông T thanh toán cho ông lần 1 được 42.000.000đ vào khoảng tháng 12/2016 âm lịch, tiếp theo ông T thanh toán dần cho ông, ông nhớ một lần 29.000.000đ, một lần 25.000.000đ và lần cuối cùng ông T thanh toán nốt cho ông là 4.000.000đ nay ông T đã thanh toán đầy đủ cho ông. Việc ông T thanh toán tiền cho ông không có văn bản giấy tờ gì mà chỉ đưa tiền cho nhau và nói với nhau bằng miệng, nên khi ông làm xong bàn giao lại cho ông T cũng không có thanh lý hợp đồng hay văn bản giấy tờ gì, nên đến nay ông cũng không có văn bản giấy tờ gì để nộp cho tòa án. Nay việc gia đình ông T tranh chấp với nhau về chia di sản thừa kế như thế nào ông không biết.

Quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu đã thu thập được thì theo giấy chứng nhận QSDDĐ đứng tên cụ Trần Thị Ng có tổng diện tích là 1.900m^2 đất

trong đó có 300m^2 đất ở và 1.600m^2 đất vườn tại thửa đất số 101 tờ bản đồ số 5 - địa chỉ khu 5, xã Động L2 cũ nay là khu 4 xã H, huyện Hạ Hòa.

Căn cứ vào biên bản thẩm định ngày 24/8/2023, kết quả đo đạc theo bản đồ 299 và các mốc giới do các đương sự chỉ dẫn được đo bằng máy thì tổng diện tích là 1.821,2m^2 so với giấy chứng nhận QSDĐ thiếu hụt 78,8m^2 diện tích đất thiếu này các đương sự Đều nhất trí do có sự sai số nên không có ý kiến, thắc mắc gì.

Kết quả định giá diện tích đất 1.821,2m^2 trị giá là 543.816.000đ trong đó có 300m^2 đất ở x 900.000đ/1m^2 = 270.000.000đ và 1.521,2m^2 đất vườn x 180.000đ/m^2 = 273.816.000đ.

Ngoài tài sản là đất còn có các cây cối thời vụ như mía, sắn, dứa và các loại rau do ông T, bài H5 (vợ ông T) trồng và thu hoạch tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ các đương sự không Đ nghị xem xét thẩm định và định giá bất cứ tài sản nào khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 149, 207, 219, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 660 của Bộ luật dân sự; Khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 166; Điều 227; Khoản 4 Điều 264; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Điều 167 Luật đất đai.

Đề nghị HĐXX Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn T và cụ Trần Thị Ng để lại.

Xác nhận di sản của cụ T và cụ Ng để lại 1.821,2m^2 đất (Diện tích được đo vẽ thực tế) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Trần Thị Ng trị giá 543.816.000đ (Năm trăm bốn mươi ba triệu tám trăm mười sáu nghìn đồng).

Đề nghị công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự cho ông Nguyễn Ngọc T được quyền sử dụng 342,1m^2.

Đề nghị chia diện tích đất còn lại là 1.479,1m^2 làm 7 phần bằng nhau theo quy định của pháp luật. Buộc ông T phải có nghĩa vụ thu hoạch các cây cối và các tài sản trên đất để trả lại đất cho các hàng thừa kế được hưởng.

Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện tặng cho của ông Nguyễn Biên Th (chồng của bà B), anh Nguyễn Quang Th3, chị Nguyễn Thị Thu H3 và chị Nguyễn Thị Hồng H4 (Đều là con của bà B) do anh Th2 đại diện theo ủy quyền tặng cho ông Nguyễn Ngọc T 211,3m² trong đó có 42,857m^2 đất ở và 168,443m^{2}đất vườn.

Buộc các hàng thừa kế được hưởng di sản thừa kế phải có nghĩa vụ thanh toán tiền công san ủi cho ông Nguyễn Ngọc T, tính theo m^2 đất, trừ phần ông T được hưởng và phần của gia đình ông Nguyễn Biên Th tặng cho ông T.

Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Căn cứ vào Điểm đ khoản 1 điều 12, khoản 1 điều 25, điểm a khoản 7 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị C, bà Bùi Thị X, bà Bùi Thị H5, ông Bùi Kim T2 (Bà X, ông T2, bà H5 là con của bà Đa) do là người cao tuổi.

Buộc bà Nguyễn Thị Lệ H2, bà Bùi Thị Đ, bà Bùi Thị L2, bà Bùi Thị Th3, bà Bùi Thị Th3 và ông Bùi Ngọc B2 (Con bà Đa) Đều phải chịu hai loại án phí theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Biên Th (ông Th là chồng của bà B), anh Nguyễn Quang Th3, chị Nguyễn Thị Thu H3 và chị Nguyễn Thị Hồng H4 (Đều là con của bà B) do anh Th2 đại diện theo ủy quyền không phải chịu án phí vì tài sản gia đình được hưởng thừa kế đã tặng cho ông Nguyễn Ngọc T, do đó ông T phải chịu toàn bộ nghĩa vụ về án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp chia di sản thừa kế giữa bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Ngọc T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và tài sản tranh chấp chia thừa kế tại xã H, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã có văn bản ủy quyền và xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Trong vụ án này cụ Nguyễn Văn T chết năm 1995, cụ Trần Thị Ng chết năm 2010. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản của cụ T và cụ Ng để lại cho các đồng thừa kế đến nay vẫn còn.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, Hội đồng xét xử thấy:

* Về xác định hàng thừa kế:

Cụ Nguyễn Văn T kết hôn với cụ Trần Thị Ng sinh được 06 người con chung gồm: Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị B (chết ngày 23/02/2023), Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Lệ H2 và 01 người con riêng là bà Nguyễn Thị Đ (đã chết năm 2021) bà Đa có chồng là ông Bùi Văn P (đã chết năm

1990 chết trước cụ T và cụ Ng). Cụ T chết ngày 20 tháng 02 năm 1995, cụ Ng chết ngày 25 tháng 02 năm 2010. Trước khi chết các cụ không để lại di chúc. Năm 1990 ông Phi chết, năm 2021 bà Nguyễn Thị Đ đã chết, ông Phi và bà Đa sinh được 8 người con gồm: Bà Bùi Thị X, bà Bùi Thị H5, ông Bùi Kim T2, bà Bùi Thị Đ, bà Bùi Thị L2, bà Bùi Thị Th3, bà Bùi Thị Th3 và ông Bùi Ngọc B2 là hàng thừa kế của bà Đa do bà Bùi Thị Th3 đại điện theo ủy quyền tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị B chết, ông Nguyễn Biên Th (chồng bà B), chị Nguyễn Thị Thu H3, chị Nguyễn Thị Hồng H4 và anh Nguyễn Quang Th3 (Đều là con của bà B) là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà B do anh Nguyễn Quang Th3 đại điện theo ủy quyền tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Như vậy hàng thừa kế của cụ T và cụ Ng gồm Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Lệ H2, chồng và các con của bà Nguyễn Thị B và các con của bà Nguyễn Thị Đ.

* Về xác định di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và việc phân chia di sản thừa kế:

Về nguồn gốc đất cụ T và cụ Ng có 1.900m^2 đất trong đó có 300m^2 đất ở và 1.600m^2 đất vườn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện Hạ Hòa cấp ngày 13/3/2001 đứng tên cụ Trần Thị Ng. Kết quả đo đạc tại thực địa diện tích còn 1.821,2m^2 so với giấy chứng nhận QSDĐ thiếu 78,8m^2 diện tích đất thiếu này các đương sự xác định là do có sự sai số nên không có ý kiến thắc mắc gì, như vậy diện tích để chia cho các hàng thừa kế là 1.821,2m^2 tại thửa đất số 101 tờ bản đồ số 5 - địa chỉ khu 5, xã Động L2 cũ nay là khu 4 xã H, huyện Hạ Hòa. Đối với diện tích đất trên các hàng thừa kế đã nhất trí giao cho ông Nguyễn Ngọc T sử dụng 342,1m^2 đất vườn không Đ nghị chia, diện tích còn lại là 1.479,1m^2 trong đó có 300m^2 đất ở và 1.179,1m^2 đất vườn. Do cụ T và cụ Ng chết không để lại di chúc do đó phải chia theo pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy đối với diện tích đất 342,1m^2 trong tổng diện tích 1.821,2m^2 các đương sự thống nhất với nhau là giao cho ông T sử dụng, xét sự thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, nên cần được ghi nhận và giao cho ông T tiếp tục sử dụng là phù hợp.

Đối với diện tích còn lại là 1.479,1m^2 trong đó có 300m^2 đất ở và 1.179,1m^2 đất vườn các đương sự đã thống nhất về vị trí, mốc giới để chia. Quan điểm của bà M đề nghị chia làm bẩy phần bằng nhau là có căn cứ pháp lý, bởi lẽ diện tích đất này có nguồn là của cụ T và cụ Ng để lại, là di sản thừa kế, trước khi các cụ chết không có di chúc để lại cho bất kỳ ai, nên cần được chia Đều cho các hàng thừa kế bằng nhau, cụ thể 1.479,1m^2 chia cho 7 phần bằng nhau mỗi phần được 211,3m^2 trong đó mỗi phần có 42,875m^2 đất ở còn lại là đất vườn, do các diện tích đất ở được chia dưới 50m^2 nhưng có kèm theo đất vườn thì khi thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chủ sử dụng phải thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung từ đất vườn sang đất ở để đảm bảo diện tích đất ở tối thiểu theo quy định hiện hành.

Quan điểm của ông Nguyễn Ngọc T nhất trí với diện tích như bà M và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đề nghị, nhưng ông không nhất trí chia là 7 phần mà đề nghị phải chia làm 8 phần trong đó một phần làm nơi thờ cúng tổ tiên. Xét yêu cầu của ông T đề nghị chia làm 8 phần là không có căn cứ vì như đã nhận định ở trên, toàn bộ diện tích đất này là do bố mẹ để lại cho các hàng thừa kế và không có di chúc, trong tổng diện tích đất là 1.821,2m^2 ông đã được các anh chị em cho ông sử dụng là 342,1m^2 ngoài ra ông còn được chia một phần bằng với diện tích đất của các hàng thừa kế khác trong tổng diện tích đất 1.479,1m^2 = 211,3m^2, như vậy tính cả phần đất ông được các anh chị em cho, phần ông được hưởng và phần đất của ông Th (Chồng bà B) các con bà B tặng cho ông do đó ông được sử dụng tổng diện tích đất là 764,7m^2.

Xét yêu cầu của những người có quyền và nghĩa vụ liên quan như bà H2 đại diện cho bà Đ, bà C và bà Th3 đại diện cho các anh chị em đề nghị chia 1.479,1m^2 làm 7 phần bằng nhau là có căn cứ chấp nhận vì, cũng như phân tích ở trên diện tích đất này là của cụ T và cụ Ng để lại, khi chết hai cụ không để lại di chúc cho ai, vì vậy cần phải chia làm 7 phần như quan điểm bà M cho các hàng thừa kế theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Xét ý kiến anh Nguyễn Quang Th3 đại diện cho ông Th, chị H3 và chị H4 là đề nghị Tòa án xem xét mọi hình thức để có thể theo tâm nguyện của cụ T, cụ Ng không chia mà để lại toàn bộ diện tích đất cho ông Nguyễn Ngọc T để làm nơi thờ cúng tổ tiên. Trường hợp không thể thực hiện được, thì phần mẹ anh được chia anh đại diện cho các thành viên gia đình anh nhận và tặng cho ông Nguyễn Ngọc T toàn bộ mà không đòi hỏi bất cứ điều kiện gì từ người được nhận. Hội đồng xét xử xét thấy toàn bộ diện tích đất trên là của cụ T và cụ Ng để lại, khi chết các cụ không để lại di chúc cho bất kỳ ai do đó ý kiến của anh Đ nghị để lại cho ông T sử dụng toàn bộ là không có cơ sở chấp nhận. Phần của gia đình anh được hưởng, gia đình nhận và tặng lại cho ông T mà không đòi hỏi bất cứ điều kiện gì từ ông T. Xét Đ nghị của anh là người đại diện theo ủy quyền là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật do đó diện tích đất của gia đình anh được hưởng sẽ được sáp nhập chung vào diện tích đất của ông T.

Xét về nội dung phản tố của ông Nguyễn Ngọc T Đ nghị những người được hưởng thừa kế phải thanh toán lại cho ông tiền san ủi là 100.000.000đ. HĐXX xét thấy việc ông thuê người san ủi là có thật, được người ông thuê san ủi là ông Lê Ngọc L xác nhận, do đó có căn cứ chấp nhận, tuy nhiên khi ông thuê ông L không có hợp đồng cụ thể là diện tích bao nhiêu m^2 và không biết khối lượng là bao nhiêu m^3 mà chỉ nói với nhau bằng miệng là san ủi trên đất của cụ Ng do đó khi xem xét để buộc những người được hưởng phần thừa kế thanh toán tiền san ủi cho ông phải dựa trên diện tích m^2 cụ thể là 100.000.000đ chia cho 1.821,2m^2 trị giá tương ứng mỗi m^2 là 54.908,851đ/m^2 (Làm tròn là 54,909đ/m^2), như vậy phần ông được hưởng là 553,4m^2 và phần ông nhận tặng cho từ gia đình ông Th, chị H3, chị H4 và anh Th2 (chồng và các con bà B) là 211,3m^2 tổng diện tích ông được quyền sử dụng là 764,7m^2 x 54.909đ/m^2 = 41.988.812đ. Sau khi trừ đi (100.000.000đ - 41.988.912đ) còn lại là 58.011.088đ chia cho 5 phần thì mỗi phần phải thanh toán

lại cho ông là 11.602.217đ là phù hợp. Ngoài ra ông còn yêu cầu những người nhận thừa kế phải trả tiền hoa màu ông trồng trên đất, xét thấy tại buổi thẩm định ngày 24/8/2023 và tại biên bản lấy lời khai của bà Trần Thị H5 ngày 24/8/2023 bản thân ông và bài H5 (Vợ ông) không yêu cầu phải thẩm định và định giá vì các tài sản trên đất chỉ là các cây cối hoa màu thời vụ như cây mía, sắn, dứa và các loại rau khác, hơn nữa do ông và bài H5 cũng thừa nhận trồng trên đất của cụ Ng vì vậy không có căn cứ để buộc những người nhận thừa kế bồi thường cho ông là phù hợp.

Nội dung phản tố của ông T yêu cầu những người được nhận thừa kế phải thanh toán lại cho ông tiền san ủi, được bà M, bà H2 đại diện cho bà Đ, bà C và bà Th3 đại diện cho bà X, bà H5, ông T2, bà Đ, bà L2, Bà Th3 và ông B2 không nhất trí thanh toán là không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ việc ông T thuê người san ủi là có thật, được người nhận san ủi xác nhận, khi san ủi trong một thời gian dài các bà không có ý kiến, phản đối gì vì vậy cần buộc những người được nhận thừa kế phải thanh toán lại cho ông T tiền san ủi cụ thể bà M phải thanh toán cho ông T là 11.602.217đ, bà Đ phải thanh toán cho ông T là 11.602.217đ, bà C phải thanh toán cho ông T là 11.602.217đ, bà H2 phải thanh toán cho ông T là 11.602.217đ và chị em (con bà Đa) do bà Th3 đại diện phải thanh toán cho ông T là 11.602.217đ là phù hợp.

[5]. *Về chi phí thẩm định và định giá tài sản*:

Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản của vụ án đã được quyết toán với bà Nguyễn Thị M tổng cộng hết 6.500.000 đồng bà M không có ý kiến gì và tự nguyện xin chịu toàn bộ mọi chi phí trên, nên Hội đồng xét xử không đạt ra giải quyết.

[6]. *Về án phí*:

Theo quy định của pháp luật người được hưởng phần di sản thừa kế thì phải chịu toàn bộ án phí, tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng và phải chịu án phí phần yêu cầu phản tố của bị đơn được tòa án chấp nhận, tuy nhiên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án thì bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Ngọc T, bà Bùi Thị X, bà Bùi Thị H5 và ông Bùi Kim T2 đã có đơn xin miễn án phí, vì vậy HĐXX xem xét miễn toàn bộ các loại án phí do là người cao tuổi. Riêng ông Th, chị H3, chị H4 và anh Th2 (Chồng và các con của bà B) đã tặng cho toàn bộ phần di sản được chia cho ông T nên không phải chịu án phí, do đó ông T phải chịu toàn bộ nghĩa vụ về án phí theo quy định.

Những người còn lại gồm bà H2, bà Th3, bà Đ, bà L2, bà Th3, ông B2, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá trị phần di sản được hưởng và án phí phản tố của bị đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 149, 207, 219, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660, khoản 1 điều 623 Bộ luật dân sự; Khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 166; Điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Điều 167 Luật đất đai; Điểm đ khoản 1 điều 12, khoản 1 điều 25, điểm a khoản 7 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên Xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần di sản của cụ Nguyễn Văn T và cụ Trần Thị Ng để lại theo pháp luật.

- Giao cho bà Nguyễn Thị M được quyền quản lý và sử dụng diện tích đất 211,3m² trong đó có 42,857m^2 đất ở và 168,443m^2 đất vườn có các điểm từ 8,9,10,11,12,13,14,15,8 - tại khu 4 xã H, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, trị giá 68.891.040đ (làm tròn 68.891.000đ).

- Giao cho bà Nguyễn Thị Đ được quyền quản lý và sử dụng diện tích đất 211,3m² trong đó có 42,857m^2 đất ở và 168,443m^2 đất vườn có các điểm từ 7,8,15,16,7 tại khu 4 xã H, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, trị giá trị giá 68.891.040đ (làm tròn 68.891.000đ).

- Giao cho bà Nguyễn Thị C được quyền quản lý và sử dụng diện tích đất 211,3m² trong đó có 42,857m^2 đất ở và 168,443m^2 đất vườn có các điểm từ 6,7,16,17,6 tại khu 4 xã H, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, trị giá trị giá 68.891.040đ (làm tròn 68.891.000đ).

- Giao cho bà Nguyễn Thị Lệ H2 được quyền quản lý và sử dụng diện tích đất 211,3m² trong đó có 42,857m^2 đất ở và 168.443m^2 đất vườn có các điểm từ 5,6,17,18,5 tại khu 4 xã H, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, trị giá trị giá 68.891.040đ (làm tròn 68.891.000đ).

- Giao cho bà Bùi Thị X, bà Bùi Thị H5, ông Bùi Kim T2, bà Bùi Thị Đ, bà Bùi Thị L2, bà Bùi Thị Th3, bà Bùi Thị Th3 và ông Bùi Ngọc B2 do bà Bùi Thị Th3 đại diện theo ủy quyền được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 211,3m² trong đó có 42,857m^2 đất ở và 168.443m^2 đất vườn có các điểm từ 4,5,18,19,4 tại khu 4 xã H, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, trị giá trị giá 68.891.040đ (làm tròn 68.891.000đ).

[2]. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị H2 đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị

Thanh đại diện theo ủy quyền cho bà Bùi Thị X, bà Bùi Thị H5 và ông Bùi Kim T2, bà Bùi Thị Đ, bà Bùi Thị L2, bà Bùi Thị Th3, và ông Bùi Ngọc B2 cho ông Nguyễn Ngọc T được quyền sử dụng 342,1m^2 sử dụng (Diện tích đất có nhà và các công trình ông T xây dựng).

Ghi nhận sự tự nguyện tặng cho phần thừa kế tài sản của ông Nguyễn Biên Th (chồng bà B), chị Nguyễn Thị Thu H3, chị Nguyễn Thị Hồng H4 và anh Nguyễn Quang Th3 (Đ là con của bà B) do anh Nguyễn Quang Th3 đại diện theo ủy quyền tặng cho ông Nguyễn Ngọc T diện tích đất 211,3m² trong đó có 42,857m^2 và 168.443m^2 đất vườn trị giá trị giá 68.891.040đ (làm tròn 68.891.000đ).

- Giao ông Nguyễn Ngọc T được quyền quản lý và sử dụng diện tích đất 764,7m² trong đó có 85,714m^2 đất ở và 678,986m^2 đất vườn (Trong đó 342,1m^2 được các anh chị em cho, 211,3m² ông được hưởng thừa kế và 211,3m² ông được ông Th, chị H3, chị H4 và anh Th2 tặng cho) có các điểm từ 1,2,3,4,19,20,21,22,23,24,1 - tại khu 4 xã H, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, trị giá 199.360.080đ, làm tròn 199.360.000đ (Một trăm chín mươi chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

(Các thửa đất trên có sơ đồ là bản trích đo dự chia hiện trạng kèm theo)

Buộc ông Nguyễn Ngọc T phải thu hoạch, di chuyển toàn bộ các cây cối hoa màu và các tài sản khác trên các diện tích đất đã được chia để trả lại đất cho các hàng thừa kế.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật các hàng thừa kế được hưởng di sản thừa kế có quyền đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đề nghị làm thủ tục tách và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[3]. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Ngọc T về yêu cầu các hàng thừa kế phải thanh toán tiền san, ủi trên diện tích của cụ Trần Thị Ng.

- Buộc bà Nguyễn Thị M phải thanh toán lại cho ông Nguyễn Ngọc T tiền san ủi là 11.602.217đ làm tròn 11.602.000đ (Mười một triệu sáu trăm linh hai nghìn đồng).

- Buộc bà Nguyễn Thị Đ phải thanh toán lại cho ông Nguyễn Ngọc T tiền san ủi là 11.602.217đ làm tròn 11.602.000đ(Mười một triệu sáu trăm linh hai nghìn đồng).

- Buộc bà Nguyễn Thị C phải thanh toán lại cho ông Nguyễn Ngọc T tiền san ủi là 11.602.217đ làm tròn 11.602.000đ(Mười một triệu sáu trăm linh hai nghìn đồng).

- Buộc bà Nguyễn Thị Lệ H2 phải thanh toán lại cho ông Nguyễn Ngọc T tiền san ủi là 11.602.217đ làm tròn 11.602.000đ (Mười một triệu sáu trăm linh hai nghìn đồng).

- Buộc bà Bùi Thị X, bà Bùi Thị H5, ông Bùi Kim T2, bà Bùi Thị Đ, bà Bùi Thị L2, bà Bùi Thị Th3, bà Bùi Thị Th3 và ông Bùi Ngọc B2 do bà Bùi Thị Th3 đại diện theo ủy quyền phải thanh toán lại cho ông Nguyễn Ngọc T tiền san ủi là

11.602.217đ làm tròn 11.602.000đ (Mười một triệu sáu trăm linh hai nghìn đồng) mỗi người là 1.450.250đ (làm tròn 1.450.000đ).

Ông Nguyễn Biên Th (chồng bà B), chị Nguyễn Thị Thu H3, chị Nguyễn Thị Hồng H4 và anh Nguyễn Quang Th3 (Đều là con của bà B) do anh Nguyễn Quang Th3 đại điện theo ủy quyền không phải thanh toán tiền san ủi cho ông Nguyễn Ngọc T vì đã tặng cho toàn bộ phần di sản thừa kế được hưởng cho ông Nguyễn Ngọc T.

[4].Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị M tự nguyên xin chịu toàn bộ nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[5].Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Ngọc T, bà Bùi Thị X, bà Bùi Thị H5 và ông Bùi Kim T2.

Buộc bà Nguyễn Thị Lệ H2 phải chịu 3.444.550đ tiền án phí phần di sản được hưởng và 580.100đ án phí phản tố. Tổng cộng hai loại bà H2 phải chịu là 4.024.650đ. Làm tròn 4.024.600đ (Bốn triệu không trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm đồng).

Buộc bà Bùi Thị Đ, bà Bùi Thị L2, bà Bùi Thị Th3, bà Bùi Thị Th3 và ông Bùi Ngọc B2 do bà Bùi Thị Th3 đại diện theo ủy quyền phải chịu 2.152.843đ tiền án phí phần di sản được hưởng và 362.562đ án phí phản tố. Tổng cộng hai loại án phí là 2.515.405đ. Làm tròn 2.515.000đ (Hai triệu năm trăm mười lăm nghìn đồn) mỗi người phải chịu 503.000đ (Năm trăm linh ba nghìn đồng).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú Thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để Đ nghị tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phú thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Hạ Hòa;*
- *Chi cục THADS huyện Hạ Hòa;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Hưng Thủy